

TRƯỜNG THPT BẢO LỘC
Tổ Văn- Địa lý

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I (NĂM HỌC 2021 – 2022)
MÔN: NGỮ VĂN 12

A. CẤU TRÚC ĐỀ

1. Thời gian: 90 phút

2. Cấu trúc: 2 phần

- Phần I: Đọc – hiểu (3.0 điểm) gồm 4 câu hỏi

*** Hình thức:**

+ 02 câu nhận biết (mỗi câu 0,75 đ)

+ 01 câu thông hiểu. (1,0 đ)

+ 01 câu vận dụng thấp. (0,5 đ)

- Phần II: Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn nghị luận xã hội (2,0 điểm)

+ **Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý**

+ Hình thức: đoạn văn 200 chữ

Câu 2. Viết bài nghị luận văn học (5,0 điểm)

* Kiểu bài: Nghị luận về một đoạn thơ/ đoạn trích thể kí.

*Hình thức: Viết một bài nghị luận văn học hoàn chỉnh, theo cấu trúc ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết bài.

B. GIỚI HẠN VÀ HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

I. Phần Đọc- hiểu (3,0 điểm)

1. Ngữ liệu Nghị luận hiện đại

Nhận biết:

- Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.

- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...

Thông hiểu:

- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng:

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

II. Phần Làm văn (7,0 điểm)

1. Vận dụng các thao tác nghị luận, những tri thức về đời sống- xã hội để viết đoạn văn khoảng 200 chữ theo lối diễn dịch, quy nạp hoặc tổng-phân-hợp.

Nhận biết:

- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.
- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

Thông hiểu:

- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.

Vận dụng cao:

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.

2. Vận dụng kĩ năng đọc – hiểu, kĩ năng phân tích một đoạn trích thơ/ đoạn trích thể kí và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học ở các tác phẩm sau:

*** Giới hạn kiểm tra**

- *Tây Tiến*- Quang Dũng
- *Việt Bắc*- Tố Hữu
- Đoạn trích “*Đất Nước*”- Nguyễn Khoa Điềm
- *Người lái đò Sông Đà* (trích)- Nguyễn Tuân

*** Yêu cầu: Cần nắm vững kiến thức về:**

1. Nghị luận về một đoạn thơ.

Nhận biết:

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.
- Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.

Thông hiểu:

- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...
- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.

Vận dụng cao:

- So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

2. Nghị luận về một đoạn trích thuộc thể loại kí

Nhận biết:

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích.
- Xác định được đối tượng phản ánh và hình tượng nhân vật *tôi*.

Thông hiểu:

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn.
- Hiểu một số đặc điểm của kí hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng:

- Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.
- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

Vận dụng cao:

- So sánh với các bài kí khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

Tổ trưởng

Người lập đề cương

Nguyễn Thị Bảo Thúy

Hoàng Thị Kim Vân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn: Ngữ văn, lớp 12

Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay cả một nhân viên phục vụ ở tiệm bán thức ăn nhanh cũng có thể được xem là thành công khi anh ta dốc hết sức mình cho công việc: vừa nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, vừa tươi cười với thực khách, vừa nhanh tay đóng gói thực phẩm khách mua về...

Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân. Nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi bạn sẽ dậm chân tại chỗ. Suy cho cùng, sự khen tặng, ái mộ mọi người dành cho bạn rồi cũng tan biến đi khi cảm giác mới lạ trong họ không còn nữa. Còn nếu bạn muốn lặp lại những việc tương tự chỉ để nhận lấy những lời khen cũ rích thì bạn sẽ chẳng có động lực nội tại nào thúc đẩy bản thân tiến bước xa hơn.

(Trích 10 quy luật cuộc sống - Dan Sullivan Catherine Nomura,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 49 -

50)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, để thành công trong mọi hoàn cảnh con người cần có thái độ như thế nào đối với công việc của mình?

Câu 3. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết những yếu tố tạo nên động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc.

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sóng trong đoạn thơ sau:

*Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sóng không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ*

(Trích *Sóng* - Xuân Quỳnh, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 155)

.....Hết.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ MINH HỌA

KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng phương thức “nghị luận”: không cho điểm	0,75
	2	Con người đề thành công trong mọi hoàn cảnh cần có thái độ tự hào với kết quả công việc của mình Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn: <i>Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn cho: 0,75 điểm.</i>	0,75
	3	Những yếu tố tạo ra động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc: - Niềm vui, sự phấn khởi. - Những thử thách mà công việc mang đến. - Lòng tự hào về những gì làm được. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 3 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0

	4	Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Có thể theo gợi ý sau: Tình yêu đối với công việc là động lực để con người đạt được thành công. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn về sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Có thể theo hướng sau: Tinh thần trách nhiệm trong công việc giúp con người có thái độ làm việc hăng say, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao; tạo ra động lực thúc đẩy con người hoàn thiện bản thân; đóng góp cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm:	0,25

	- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. <i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
2	Cảm nhận về hình tượng sóng trong đoạn thơ.	5,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hình tượng sóng trong đoạn thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Giới thiệu khái quát về tác giả (0,25 điểm), bài thơ và đoạn thơ (0,25 điểm).	0,5
	* Cảm nhận về hình tượng sóng được Xuân Quỳnh thể hiện trong đoạn thơ - Sự tương đồng giữa những trạng thái đối lập của sóng với những trạng thái đối cực trong tình yêu của người phụ nữ: <i>dữ dội - dịu êm, ồn ào - lặng lẽ</i>. - Sóng chính là hiện thân cho khát khao của em, khát khao được vươn ra biển lớn, khao khát tìm đến một tình yêu đích thực, rộng lớn, bao dung. - Khát vọng <i>ngày xưa – ngày sau</i> của sóng cũng là khát vọng tình yêu muôn đời của tuổi trẻ. - Hình tượng sóng được thể hiện bằng thể thơ năm chữ, gọi âm điệu của nhịp sóng biển và sóng lòng; sự song hành của hai hình tượng	2,5

	sóng và em; ngôn ngữ giản dị, trong sáng; giọng điệu tha thiết, mãnh liệt; các biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, đối lập... Hướng dẫn chấm: - Học sinh cảm nhận về hình tượng sóng đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Học sinh cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Cảm nhận chung chung, chưa rõ các biểu hiện của hình tượng sóng: 0,75 điểm - 1,25 điểm. - Cảm nhận sơ lược, không rõ các biểu hiện của hình tượng sóng: 0,25 điểm - 0,5 điểm.	
	* Đánh giá - Hình tượng sóng trong đoạn thơ chính là biểu hiện của một tâm hồn phụ nữ nhạy cảm, khao khát yêu đương, chủ động và mạnh mẽ trong tình yêu. - Hình tượng sóng góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh đánh giá được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Xuân Quỳnh; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....Hết.....

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I (2021-2022)

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90phút

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau :

Bạn có nghĩ rằng cuộc đời mình cho đến thời điểm này chịu ảnh hưởng của toàn bộ những lựa chọn và quyết định mà bạn đã thực hiện (hoặc không thực hiện) không ? Nếu có bất cứ điều gì trong cuộc sống làm bạn thất vọng, bất mãn, thì chính bạn phải là người chịu trách nhiệm. Nếu bạn cảm thấy không hài lòng thì chính bạn phải là người nghĩ ra cách thức nhằm thay đổi và cải thiện tình hình.

Với tư cách là chủ nhân của chính mình, bạn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với mọi việc mình làm và cả kết quả của chúng nữa. Bạn phải chịu trách nhiệm cả với những rủi ro, hậu quả cho hành động của mình. Bạn phải hiểu rằng, để có vị trí như hiện nay, trở thành con người như ngày nay là do chính bạn đã quyết định và lựa chọn như vậy. Nếu bạn không hài lòng với cuộc sống trong hiện tại, hãy quyết định tìm kiếm hoặc tự tạo ra những cơ hội để làm cho nó tốt đẹp hơn trong tương lai .Hãy xem đó là một mục tiêu,lập kế hoạch và bắt tay vào thực hiện để giành những gì bạn đáng được hưởng.

Bạn luôn là người tự do trong những quyết định tạo nên cuộc đời của chính mình.

(Trích “ **Chinh phục mục tiêu**” – Brian Tracy

– Nguyễn Trung An, MBA dịch)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết vì sao mỗi chúng ta phải là người tự chịu trách nhiệm cho chính cuộc đời?

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về quan niệm : “ *Bạn luôn là người tự do trong những quyết định tạo nên cuộc đời của chính mình*” ?

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với tác giả khi ông cho rằng : “*để có được vị trí như hiện nay, trở thành con người như ngày nay là do chính bạn đã quyết định và lựa chọn như vậy*” không? Lí giải vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu , hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc *làm chủ chính mình*.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ sau :

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành...

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, Ngữ Văn 12, Nxb Giáo Dục, Tr89)

..... **Hết**

TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

TỔ : VĂN – ĐỊA

ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 12

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu đúng như đáp án : 0,75 điểm. - Học sinh không nêu được chính xác không cho điểm.	0,75
	2	Mỗi chúng ta phải là người tự chịu trách nhiệm cho chính cuộc đời vì “ cuộc đời mình cho đến thời điểm này chịu ảnh hưởng của toàn bộ những lựa chọn và quyết định mà bạn đã thực hiện (hoặc không thực hiện). Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu đúng như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được 1 ý : 0,5 điểm. - Học sinh trích lược một số cụm từ nêu trên: 0,25 điểm.	0,75
	3	Quan niệm “ Bạn luôn là người tự do trong những quyết định tạo nên cuộc đời của chính mình” có thể hiểu là : - Cuộc đời của chúng ta trong hiện tại chính là kết quả của những quyết định của chúng ta trong quá khứ. - Khi đứng trước những sự lựa chọn trong cuộc đời chúng ta là người hoàn toàn có quyền đưa ra quyết định cuối cùng không ai có	0,75

		thể tác động và bắt buộc chúng ta kể cả nếu bị bắt buộc bạn vẫn có thể phản đối để bảo vệ sự lựa chọn của mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 01 ý cho được 0,5 điểm.	
	4	Học sinh trình bày theo quan điểm của cá nhân nhưng quan điểm ấy phải hợp lí và thuyết phục. Đồng tình với ý kiến, vì: - Cuộc đời của mỗi người dù cho có lúc này lúc khác bị tác động bởi ngoại cảnh khác thì cuối cùng người có quyền đưa ra quyết định vẫn là chính chúng ta . - Không ai có thể ép buộc chúng ta nếu chúng ta không đồng thuận. Và chính những quyết định và lựa chọn đó, dù là tích cực hay tiêu cực đã tạo nên một bức tranh cuộc đời bạn hôm nay. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,5 điểm. Lưu ý: - Học sinh có thể trình bày các ý theo cách gạch đầu dòng, riêng câu 4 yêu cầu học sinh viết thành đoạn văn ngắn(từ 7 đến 10 dòng)	0,75
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu , hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc làm chủ chính mình.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Ý nghĩa của việc làm chủ chính mình.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	0,75

	Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc <i>làm chủ chính mình</i>. Có thể theo hướng sau: - <i>Làm chủ chính mình</i> là tự mình kiểm soát và định hướng những suy nghĩ, hành động của bản thân và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả của những suy nghĩ và hành động đó - Làm chủ chính mình giúp con người sống một cách chuẩn mực trong tầm kiểm soát. Do vậy sẽ hạn chế được những lời nói và hành động tiêu cực gây tổn thương đến người xung quanh, từ đó tạo dựng và duy trì được mối quan hệ tốt đẹp. - Làm chủ chính mình sẽ giúp con người hiểu hơn về bản thân mình, sáng suốt trong việc nhận ra đam mê và hoạch định được con đường tương lai đúng đắn... - Phê phán những người không làm chủ được chính mình, dễ nản lòng, sa ngã, buông xuôi trước hoàn cảnh, không có ý chí vươn lên... - Biết kiểm soát được suy nghĩ và hành động của mình, chịu trách nhiệm về nên bức tranh của cuộc đời mình, không đổ lỗi cho hoàn cảnh, vượt lên khó khăn để thay đổi cuộc đời mà mình mong muốn. Hướng dẫn chấm: + <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i> + <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i> + <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25

	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu 0,25 điểm.	0,5
2	Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ sau : <i>Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm Mắt trừng gửi mộng qua biên giới Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh Áo bào thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành...</i>	5,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :</i> Vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ . Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	

	<i>* Giới thiệu tác giả , tác phẩm, vấn đề nghị luận(trích thơ)</i>	0,5
	<i>* Phân tích hình tượng người lính Tây Tiến qua đoạn thơ:</i> - Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa và lãng mạn (bốn câu đầu) + Nhà thơ tái hiện chân thực chân dung và cuộc sống gian khổ của đoàn quân Tây Tiến. + Vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn . - Vẻ đẹp bi tráng (bốn câu sau) + Sự hi sinh hào hùng của người lính Tây Tiến. + Lí tưởng quên mình, xả thân vì Tổ quốc. + Sự thật bi thảm trên con đường hành quân qua bút pháp lãng mạn, và nghệ thuật nói giảm, nói tránh <i>anh về đất</i> + Đoạn thơ kết thúc bằng hình ảnh dòng sông Mã gầm lên khúc độc hành. Trong âm hưởng hào hùng và dữ dội của thiên nhiên, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. - Đoạn thơ kết hợp hài hoà giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn; Ngôn ngữ giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, sáng tạo khi kết hợp từ Hán Việt và thuần Việt ; Biện pháp nghệ thuật: nói giảm, đối lập... Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm -Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu : 1,0 điểm - 1,75 điểm. -Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.	2,5
	<i>* Đánh giá đoạn thơ</i> Hướng dẫn chấm: -Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. -Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

		Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Tuân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	
Tổng điểm			10,0

.....Hết.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I (2020-2021)

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

ĐỀ THI HỌC KỲ I (2020-2021)

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích :

Hy vọng là một thứ rất tuyệt diệu. Hy vọng cong, xoắn, thỉnh thoảng nó khuất đi, nhưng hiếm khi nó tan vỡ... Hy vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được... Hy vọng cho chúng ta có thể tiếp tục, cho chúng ta can đảm để tiến lên phía trước, khi chúng ta tự nhủ là mình sắp bỏ cuộc...

Hy vọng đặt nụ cười lên gương mặt chúng ta khi mà trái tim không chủ động được điều đó...

Hy vọng đặt đôi chân chúng ta lên con đường mà mắt chúng ta không nhìn thấy được ...

Hy vọng thúc giục chúng ta hành động khi tinh thần chúng ta không nhận biết được phương hướng nữa... Hy vọng là điều kỳ diệu, một điều cần được nuôi dưỡng và áp ủ và đổi lại nó sẽ làm cho chúng ta luôn sống động... Và hy vọng có thể tìm thấy trong mỗi chúng ta, và nó thể mang ánh sáng vào những nơi tăm tối nhất...

Đừng bao giờ mất hy vọng!

(Trích “Luôn mỉm cười với cuộc sống”, Nhã Nam tuyển chọn, NXB Trẻ, 2011, tr.05)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.

Câu 2. “*Hy vọng*” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ nào?

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ chính được thể hiện trong đoạn trích? Nêu tác dụng của phép tu từ đó?

Câu 4. Anh/chị có cho rằng: “*Hy vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được.*” không? Vì sao?

II.LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Dựa trên thông tin của văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của niềm hi vọng

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sông nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương Bắc
Dẫu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh - một phương*

(Trích *Sóng-Xuân Quỳnh*, Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, 2006, tr.156-157)

.....Hết.....

Họ và tên học sinhSố báo danh.....

ĐÁP ÁN BÀI THI KÌ I, MÔN NGỮ VĂN 12
(NH 2020-2021)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	30
	1	PTBĐ: nghị luận, miêu tả, biểu cảm	0,5
	2	“ <i>Hy vọng</i> ” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ: <i>Hy vọng cong, xoắn, thỉnh thoảng nó khuất đi, nhưng hiếm khi nó tan vỡ...</i>	0,5
	3	- Phép lặp cấu trúc “ <i>Hy vọng</i> đặt...” Hoặc phép điệp “ <i>Hy vọng</i> ” có tác dụng: - Nhấn mạnh vai trò quan trọng của “ <i>Hy vọng</i> ” trong cuộc sống của mỗi con người. <i>Hy vọng</i> là điều kỳ diệu, là điểm tựa để đưa con người vượt qua những khó khăn thử thách hướng đến những điều tốt đẹp ở phía trước.	1,0
	4	- Học sinh trình bày theo quan điểm cá nhân nhưng quan điểm ấy phải hợp lí và thuyết phục VD: Em đồng ý với ý kiến: “ <i>Hy vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được.</i> ”? – Vì: cuộc sống nhiều khó khăn và thử thách, nhờ “ <i>hy vọng</i> ” mà ta có được năng lượng để duy trì cuộc sống. Nguồn năng lượng này không gì có thể thay thế được. Bởi nó tạo ra: + Niềm tin, ý chí, động lực, lòng can đảm. + <i>Hy vọng</i> sẽ giúp con người sống lạc quan, yêu đời, chiến thắng nghịch cảnh.	1.0
II		Làm văn	7,0
	1	Dựa trên thông tin của văn bản Đọc hiểu, Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa niềm hi vọng.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Ý nghĩa của niềm hi vọng	

		c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau : - Giải thích : hi vọng là sự lạc quan, lòng tin vào bản thân - Bàn luận + Hi vọng sẽ tạo ra sức mạnh để vượt qua những khó khăn, trắc trở. + Hi vọng vào bản thân đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, giúp con người vững vàng, lạc quan và thành công trong cuộc sống. + Người có niềm tin vào bản thân dám khẳng định năng lực và phẩm chất của mình, coi đó là nguồn sức mạnh chân chính, có ý nghĩa quyết định. + Để có được thành công, có cuộc sống tốt đẹp, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác + Nếu mất đi hi vọng con người sẽ mất đi động lực. + Đưa ra dẫn chứng, chứng minh - Phản đề : Nếu không có hi vọng cuộc đời trở nên vô nghĩa, không có sự nỗ lực, cuộc đời sẽ héo tàn. - Bài học nhận thức và hành động: Xây dựng lối sống văn hóa khoa học, luôn trau dồi bản thân, nỗ lực phấn đấu.	1,25
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo : Cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện những suy nghĩ riêng, sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau: <i>Con sóng dưới lòng sâu</i> <i>Hướng về anh - một phương</i>	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài giới thiệu được vấn đề. Thân bài triển khai được vấn đề. Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận , trích thơ.	0,5

		*Nội dung : Khổ 5 : Nỗi nhớ -Tình yêu luôn đi liền với nỗi nhớ. Tâm hồn đang yêu ở đây luôn soi vào sóng để diễn tả cái sâu sắc, bao la của nỗi nhớ trong lòng mình, nó bao trùm cả KG+TG. - Nỗi nhớ không chỉ chiếm lĩnh ý thức mà còn thấm sâu vào tiềm thức. Khổ 6 : Sự thủy chung - Con sóng dù có xuôi về phương Bắc hay phương Nam cách xa, trắc trở về địa lý nhưng có điểm chung đều hướng vào bờ. - Hình ảnh sóng vỗ vào bờ tựa như người con gái vượt qua nhiều khó khăn, trắc trở để hướng đến tình yêu, một lòng thủy chung sắc son. ☐ Khẳng định nỗi nhớ, niềm tin đợi chờ, sự thủy chung trong tình yêu.	2,0 1,0
		*Nghệ Thuật : - Thể thơ năm chữ tạo âm điệu sâu lắng - Nhịp điệu độc đáo, giàu sức liên tưởng, cách ngắt nhịp linh hoạt. - Giọng thơ vừa thiết tha, đầm thắm, vừa mãnh liệt sôi nổi. - Bài thơ sử dụng các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ, đối lập - tương phản	0,5
		- Đánh giá lại vấn đề nghị luận	0.5
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện những suy nghĩ riêng, sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
TỔNG ĐIỂM : 10,0			

TÀI LIỆU ÔN TẬP VĂN 12

ĐỀ 1. ÔN TẬP VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Một lần tình cờ tôi đọc được bài viết “Hạnh phúc là gì?” trên blốc của một người bạn. Bạn ấy viết rằng: “Hạnh phúc là được nằm trong chăn ấm xem ti vi cùng với gia đình. Hạnh phúc là được trùm chăn kín và được mẹ pha cho cốc sữa nóng. Hạnh phúc là được cùng đưa bạn thân nhong nhong trên khắp phố. Hạnh phúc là ngồi co ro hàng giờ trong quán cà phê, nhấm nháp li ca-cao nóng và bàn chuyện chiến sự, thế giới cùng anh em chiến hữu...” Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao? Ừ nhỉ! Dường như lâu nay chúng ta chỉ quen với việc than phiền mình bất hạnh chứ ít khi biết được rằng mình đang hạnh phúc. Hãy một lần thử nghĩ xem: Khi chúng ta than phiền vì bố mẹ quá quan tâm đến chuyện của mình thì ngoài kia biết bao nhiêu người thèm hơi ấm của mẹ, thèm tiếng cười của bố, thèm được về nhà để được mắng; khi chúng ta cảm thấy thiệt thòi khi không được ngồi xe hơi chỉ vì phải chạy xe máy giữa trời nắng thì ngoài kia biết bao nhiêu bạn của chúng ta mồ hôi nhễ nhại, gò mình đạp xe lên những con dốc vắng; khi chúng ta bất mãn với chuyện học hành quá căng thẳng thì ngoài kia biết bao người đang khao khát một lần được đến trường, một lần được cầm cây bút để viết lên những ước mơ; khi chúng ta...”

(Dẫn theo *Bài tập Ngữ văn 11*, tập 2, NXB Giáo dục 2007)

Câu 1. (0.5 điểm) Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Câu 2. (0.5 điểm) Câu văn nào thể hiện cảm nhận bất ngờ của tác giả về hạnh phúc?

Câu 3. (1.0 điểm) Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu cuối.

Câu 4. (1.0 điểm) Theo anh/chị, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản trên?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm): Qua đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về: Hạnh phúc của giới trẻ trong thời đại ngày nay.

Câu 2. (5,0 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến qua đoạn thơ sau:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng, Sgk Ngữ văn 12, tập 1, Nxb Giáo dục, 2010).

Từ đó liên hệ với vẻ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu (Sgk Ngữ văn 11, tập 1, Nxb Giáo dục, 2011) và hình tượng người tráng sĩ thời Trần trong bài thơ *Tỏ lòng* của Phạm Ngũ Lão (Sgk Ngữ văn 10, tập 2, Nxb Giáo dục 2012).

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ: chính luận.	0.5

	2	Câu văn thể hiện cảm nhận bất ngờ của tác giả về hạnh phúc: <i>Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao?</i>	0.5
	3	- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu cuối: Liệt kê, điệp ngữ, tương phản- đối lập... - Hiệu quả: + Tạo giọng điệu thiết tha, hùng hồn, mạnh mẽ, tăng sức thuyết phục. + Nhấn mạnh sự tương phản về hoàn cảnh của chúng ta và biết bao nhiêu người để từ đó gợi ra quan niệm về một hạnh phúc giản đơn...	1,0

	4	Thông điệp mà tác giả gửi gắm: Chúng ta cần biết trân trọng những hạnh phúc bình dị, giản đơn trong cuộc sống. (HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hướng đến suy nghĩ tích cực có liên quan đến văn bản).	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về: Hạnh phúc của giới trẻ trong thời đại ngày nay.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân- hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Quan niệm về hạnh phúc của giới trẻ trong thời đại ngày nay.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề cần nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ nội dung theo gợi ý sau: * Giải thích: Hạnh phúc là một trạng thái tâm lý của con người khi người ta cảm thấy vui vẻ, thỏa mãn. * Phân tích: - HS có thể trình bày nhiều quan niệm khác nhau về hạnh phúc trong giới trẻ ngày nay như: + Hạnh phúc là hưởng thụ + Hạnh phúc là trải nghiệm + Hạnh phúc là sống vì người khác + Hạnh phúc là hài hòa giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng... * Bàn luận: - Vì sao giới trẻ hiện nay lại có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc? + Thời đại mà kinh tế xã hội ngày càng phát triển, con người thường coi trọng lối sống vật chất, vì vậy dễ nảy sinh quan niệm hạnh phúc là hưởng thụ. + Thời đại ngày nay cũng đặt ra nhiều thách thức, cơ hội, vì vậy giới trẻ cũng năng động hơn, dám sống dám trải nghiệm, dám hi sinh vì người khác... * Bài học nhận thức và hành động: - Từ những quan niệm khác nhau về hạnh phúc, HS cần có những quan niệm đúng đắn về hạnh phúc để hướng đến những hạnh phúc chân chính. - Hoàn thiện bản thân để tự tạo ra hạnh phúc cho mình và cho mọi người.	1,0
		<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,25

2	Vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> của Quang. Từ đó liên hệ với vẻ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> của Nguyễn Đình Chiểu và hình tượng người tráng sĩ thời Trần trong bài thơ <i>Tỏ lòng</i> của Phạm Ngũ Lão)	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,5
	c. Triển khai các luận điểm nghị luận Giới thiệu tác giả Quang Dũng, bài thơ <i>Tây Tiến</i> Vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến - Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn (ngoại hình, khí chất bên trong, thế giới tâm hồn.....) - Vẻ đẹp bi tráng (cái chết, sự hy sinh nhẹ nhàng nhưng cao cả.....) - Nghệ thuật: + Cảm hứng và bút pháp lãng mạn + Thủ pháp: đối lập; nói giảm, nói tránh; động từ mạnh.. * Liên hệ với vẻ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ nông dân và người tráng sĩ thời Trần: - Người nghĩa sĩ nông dân: Từ những người nông dân lam lũ bồng chốc trở thành người lính can trường, có lòng yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng xả thân vì tổ quốc khi thực dân Pháp xâm lược. - Người tráng sĩ thời Trần: vẻ đẹp kì vĩ mang tầm vóc vũ trụ; mang ý nghĩa khái quát, gọi ra hào khí dân tộc thời Trần - " <i>hào khí Đông A</i> ". * Đánh giá chung: - Giống nhau: + Đề thể hiện vẻ đẹp của chủ nghĩa yêu nước; Sự kế thừa và đổi mới của nội dung yêu nước trong văn học Việt Nam + Đề được tác giả dành cho tình cảm tự hào, ngưỡng mộ. - Khác nhau: + Hình tượng người lính Tây Tiến là biểu tượng cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kì cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn. + Hình tượng người nghĩa sĩ nông dân: là biểu tượng cho chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, được xây dựng bằng bút pháp hiện thực. + Người tráng sĩ thời Trần thể hiện rõ nét biểu hiện chủ nghĩa yêu nước thời phong kiến.	3,5
	d. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo; cảm nhận sâu sắc về giá trị của đoạn thơ.	0,25

	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5
--	--	-----

ĐỀ 2. ÔN TẬP VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

[...] Chúng ta có thể dễ dàng vướng bận với những thách thức diễn ra triền miên hết ngày này qua ngày khác của việc kiếm sống, vượt qua những trở ngại, đương đầu với những hoàn cảnh khó khăn chủ yếu để tồn tại, đến mức chúng ta có thể không quan tâm một cách đúng mức tới các mối quan hệ, sự phát triển tinh thần, sự hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới, thậm chí không chú ý đến sức khỏe lâu dài của bản thân.

Bạn và tôi không nên sống trong kì vọng rằng một ngày nào đó hạnh phúc sẽ đến sau khi chúng ta đã đạt được một mục tiêu nào đó hoặc đã giành được thành quả nhất định. Hạnh phúc nên là điều mà bạn có thể vươn tới trong mỗi khoảnh khắc bạn sống, và cách để bạn đạt được hạnh phúc là sống cân bằng về mặt tinh thần, tâm linh, cảm xúc và thể xác.

(Trích *Một kế hoạch cân bằng cho cuộc sống*, từ cuốn sách *Đừng bao giờ từ bỏ khát vọng*, Nick Vujicic, NXB tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2013, tr 249)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Chỉ ra những điều cản trở con người đạt được hạnh phúc trong cuộc sống.

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng “*Bạn và tôi không nên sống trong kì vọng rằng một ngày nào đó hạnh phúc sẽ đến sau khi chúng ta đã đạt được một mục tiêu nào đó hoặc đã giành được thành quả nhất định.*”?

Câu 4. Anh (chị) hiểu thế nào là “sống cân bằng”? Hãy đề xuất một giải pháp mà anh (chị) cho là góp phần làm cân bằng cuộc sống của chính mình.

II. LÀM VĂN(7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Hạnh phúc nên là điều mà bạn có thể vươn tới trong mỗi khoảnh khắc bạn sống*”

Câu 2.(5,0 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

“Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lên nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy
Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...”

(Trích *Việt Bắc*- Tố Hữu)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn, giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

-Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong tổ chấm. Không cho điểm cao đối với những bài nêu chung chung, sáo rỗng hoặc phần thân bài ở câu 2 phần Làm văn chỉ viết một đoạn văn.

-Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT.

-Hướng dẫn chấm mang tính chất định hướng, yêu cầu tổ chấm tiến hành chấm chung ít nhất 05 bài ngẫu nhiên để thống nhất đáp án cụ thể.

B. Hướng dẫn cụ thể

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Yêu cầu về kĩ năng - Học sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản; - Diễn đạt rõ ràng, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. b. Yêu cầu về kiến thức Học sinh cần làm rõ các vấn đề:	
1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận/phương thức nghị luận	0,50

2	Những điều cản trở con người đạt được hạnh phúc trong cuộc sống là : <i>“Chúng ta có thể dễ dàng vướng bận với những thách thức diễn ra triền miên hết ngày này qua ngày khác của việc kiếm sống, vượt qua những trở ngại, đương đầu với những hoàn cảnh khó khăn chủ yếu để tồn tại”</i>	0,50
3	Vì <i>“sau khi chúng ta đã đạt được một mục tiêu nào đó hoặc đã giành được thành quả nhất định”</i> có thể chúng ta đã đánh mất, làm lỡ mất một thứ gì đó quan trọng như các mối quan hệ, sức khỏe, thời gian, tuổi trẻ,...và điều bị đánh mất đó khiến chúng ta không có được cảm giác hạnh phúc trọn vẹn.	0,75
4	Học sinh trình bày theo quan điểm riêng của mình nhưng cần hợp lí và có sức thuyết phục. Gợi ý: Sống cân bằng là biết hài hòa giữa vật chất và tinh thần, cho và nhận, cống hiến và hưởng thụ. Sống cân bằng đem lại một đời sống tinh thần khỏe mạnh. Giải pháp: xây dựng mục tiêu, tiến trình thực hiện mục tiêu khoa học, có thời gian biểu rõ ràng. Đan xen công việc học tập là vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động xã hội,...	0,50 0,75
	Lưu ý: Học sinh có thể trình bày các ý theo cách gạch đầu dòng, giám khảo cần linh hoạt khi chấm điểm	

II. LÀM VĂN(7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: <i>“Hạnh phúc nên là điều mà bạn có thể vươn tới trong mỗi khoảnh khắc bạn sống”</i>	2,0
	a.Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận: có đủ phần mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề	

	b.Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Hạnh phúc nên là điều mà bạn có thể vươn tới trong mỗi khoảnh khắc bạn sống</i>	0,25
	c.Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.	
	*Giải thích: +Hạnh phúc là cảm giác thỏa mãn, hài lòng khi đạt được điều mình mong muốn.	0,25
	+Mỗi khoảnh khắc bạn sống: là thời điểm hiện tại. +Hạnh phúc hiện diện quanh bạn, ở thời điểm hiện tại bạn đang sống. Ý nghĩa: Là lời khuyên mỗi chúng ta đừng nên mãi mê đeo đuổi mục tiêu lớn lao, xa xôi mà bỏ lỡ những niềm vui, hạnh phúc trong từng phút giây của cuộc sống.	
	*Bàn luận và mở rộng vấn đề: +Trong cuộc sống, ai cũng xác định cho mình một mục tiêu phấn đấu và đánh đồng kết quả của mục tiêu là hạnh phúc. +Tuy nhiên, nếu mãi mê đeo đuổi mục tiêu, không quan tâm tới những giá trị khác của cuộc sống thì khi đạt được mục tiêu, cảm giác đem lại có thể là thất vọng hoặc không hạnh phúc trọn vẹn. +Hạnh phúc không phải là ta đạt được gì ở đích đến mà là cảm giác hưởng thụ niềm vui sướng do quá trình thực hiện của nó mang lại. +Việc hưởng thụ mỗi khoảnh khắc bạn sống sẽ không làm bạn tiếc nuối bất cứ điều gì khi nhìn lại đời mình. +Phê phán những con người không biết quý trọng những giá trị tinh thần, sức khỏe, các mối quan hệ,...	0,75 0,25

	*Bài học nhận thức và hành động: -Nên quý trọng cuộc sống hiện tại, những gì đang có. -Biết cân bằng cuộc sống để vừa đạt mục tiêu lí tưởng cuộc đời vừa hưởng thụ những giá trị tinh thần của cuộc sống.	0,25
	d.Sáng tạo;chính tả, dùng từ, đặt câu đúng quy tắc	0,25
2	Cảm nhận của anh (chị) về đoạn thơ sau: <i>“Nhớ gì như nhớ người yêu</i> <i>...Minh đây ta đó, đắng cay ngọt bùi”</i>	5,0
	a.Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: có đủ phần mở bài, phần thân bài và kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp vừa thi vị vừa hiện thực của thiên nhiên Việt Bắc và vẻ đẹp của con người Việt Bắc	
	nghĩa tình qua nỗi nhớ	
	c.Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
	Giới thiệu được vấn đề nghị luận	0,5
	Nỗi nhớ da diết, cháy bỏng, đậm sâu, cụ thể: - Nhớ khung cảnh thiên nhiên Việt Bắc vừa hiện thực vừa thi vị - Nhớ những tháng ngày đồng cam cộng khổ, những con người Việt Bắc sâu nặng ân tình	2,0
	Giọng điệu đoạn thơ tha thiết, trữ tình, sâu lắng như khúc hát ru, phép điệp từ đậm nỗi nhớ da diết, mãnh liệt, phép liệt kê gợi từng hình ảnh, con người cụ thể, phép so sánh thú vị, độc đáo,...	1,0
	Đánh giá lại đoạn thơ	0,5
	d.Sáng tạo: diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc vấn đề nghị luận.	0,5
	e.Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

ĐỀ 3. ÔN TẬP VĂN 12

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bất cứ ai trong chúng ta cũng khao khát có được một cuộc sống đầy cảm hứng, hạnh phúc và thành công. Tuy nhiên, để đạt được những gì bạn thật sự mong ước, tất cả đều phải xuất phát từ việc nhận ra sự quan trọng và tìm cho mình một thái độ sống thông minh và tích cực nhất.

Một thái độ sống tích cực sẽ giúp bạn luôn lạc quan, yêu đời, tự tin để nhẹ nhàng lướt qua mọi gian nan, thử thách trong cuộc sống. Ngược lại, một thái độ sống tiêu cực sẽ đóng chặt bạn vào những suy nghĩ, cách nhìn phiến diện, vị kỷ, tự ti, đau khổ và dễ dàng dẫn đến thất bại, bất hạnh. Thái độ của bạn ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của cuộc sống và quyết định kết quả của mọi việc bạn làm.

Chúng ta ai cũng ít nhất một đôi lần mắc phải sai lầm, gặp thất bại, hay ở một trạng thái tinh thần chán nản tồi tệ - nhưng không vì thế mà chúng ta mãi bị ám ảnh, day dứt mà không bao giờ dám tin mình sẽ khác đi hay không dám làm một điều gì cả. Chính thái độ sống của chúng ta sau những va vấp ấy sẽ quyết định : Liệu chúng ta có cho phép mình trượt dài trên những thất bại triền miên hay sự va vấp ấy sẽ chính là một cơ hội, một bài học, một trải nghiệm quý báu để chúng ta vươn lên, vững vàng và hoàn thiện mình hơn?

(Thay Thái Độ - Đổi Cuộc Đời 2 – Keith D. Harrell)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích ?

Câu 2. Tác dụng của thái độ sống tích cực được nêu trong đoạn trích?

Câu 3. Giải thích ý nghĩa câu “ *Thái độ của bạn ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của cuộc sống và quyết định kết quả của mọi việc bạn làm*”?

Câu 4. Từ thông điệp của đoạn trích, Anh /chị thấy bản thân mình cần phải thay đổi như thế nào ?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc – hiểu. Anh /chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về *thái độ sống tích cực* của giới trẻ hiện nay?

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về 9 câu đầu đoạn trích ***Đất Nước*** – Nguyễn Khoa Điềm.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	<i>a. Yêu cầu về kỹ năng</i> - Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản; - Diễn đạt rõ ràng, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <i>b. Yêu cầu về kiến thức</i> - HS cần làm rõ các vấn đề:	
1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5

2	Tác dụng của thái độ sống tích cực được nêu trong đoạn trích : “ Một thái độ sống tích cực sẽ giúp bạn luôn lạc quan, yêu đời, tự tin để nhẹ nhàng lướt qua mọi gian nan, thử thách trong cuộc sống ”	0,5
3	Giải thích ý nghĩa câu “ Thái độ của bạn ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của cuộc sống và quyết định kết quả của mọi việc bạn làm ”? Vì: - Khi bạn có thái độ sống tích cực thì làm việc gì cũng thấy thoải mái, tự tin, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có những quyết định và lựa chọn sáng suốt đem đến cơ hội thành công. - Vì vậy thái độ sống có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định kết quả mọi việc bạn làm.	0,75
4	Từ thông điệp của đoạn trích, Anh /chị thấy bản thân mình cần phải thay đổi như thế nào ? - Thông điệp của đoạn trích :Hãy thay đổi thái độ sống. Hãy luôn sống với những cảm xúc tích cực. - Bản thân cần phải thay đổi : + Luôn suy nghĩ tích cực, sống lạc quan. + Xác định cho mình một mục tiêu. + Luôn có ước mơ, hoài bão, khát vọng và quyết tâm thực hiện được ước mơ. + Sống hòa đồng, biết yêu thương, chia sẻ. + Có ý chí, bản lĩnh, nghị lực sống.	1,25
	Lưu ý: - Học sinh có thể trình bày các ý theo cách gạch đầu dòng - Giám khảo cần linh hoạt khi chấm điểm.	

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Từ nội dung ở phần Đọc – hiểu. Anh /chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về <i>thái độ sống tích cực</i> của giới trẻ hiện nay?	2,0

	a. Yêu cầu về kỹ năng: -Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận; Có đủ Mở đoạn, phát triển đoạn, Kết đoạn. -Xác định đúng vấn đề nghị luận, biết triển khai vấn đề nghị luận; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, cơ bản nói được các vấn đề sau:	
	- Nêu vấn đề cần nghị luận.	0,25
	* Giải thích: Thái độ sống tích cực là chủ động trước cuộc sống được thể hiện qua cách nhìn, cách nghĩ và hành động...	0,25
	* Bàn luận, mở rộng vấn đề: - Người có thái độ sống tích cực luôn có cái nhìn đúng đắn về cuộc sống, về trách nhiệm của bản thân với gia đình và xã hội. - Luôn chủ động trước cuộc sống, xác định được mục tiêu, lí tưởng, hoài bão, dám đối diện với những khó khăn thử thách. - Luôn có khát vọng vươn lên để khẳng định bản thân, hoàn thiện mình, đem lại niềm vui, hạnh phúc không chỉ cho bản thân mà còn cho mọi người. - Thái độ sống tích cực là phẩm chất đáng quý, là lối sống đẹp góp phần thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ xã hội. * Chứng minh một vài tấm gương của giới trẻ có thái độ sống tích cực đã thành công trong cuộc sống. - Phê phán một số bạn trẻ có lối sống tiêu cực, sống vô nghĩa... * Bài học nhận thức và hành động: - Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của thái độ sống tích cực trong xu thế hội nhập của đất nước hiện nay. - Tích cực phấn đấu rèn luyện học tập, tu dưỡng rèn luyện đạo đức, nhân cách, ý thức trách nhiệm của bản thân...	0,75 0,5

	- Khẳng định lại vấn đề.	0,25
2	Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trong “Đất Nước” sau :	5,0
	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận; Có đủ Mở bài, Thân bài (gồm nhiều đoạn văn), Kết bài. - Xác định đúng vấn đề nghị luận, biết triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể sắp xếp, trình bày ý theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo được các vấn đề:	0,25
	- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.	0,5
	- Cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành và phát triển của đất nước. - Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi, tự nhiên, bình dị trong cuộc sống của mỗi con người mang đậm chất liệu văn học dân gian. - Khơi dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.	3.0
	- Nghệ thuật:	0,5
	- Đánh giá đoạn thơ.	
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	d. Sáng tạo, có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,5

ĐỀ 4. ÔN TẬP VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái gan mao hiểm, ở đời không biết cái khó là cái gì.

(...) Còn những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự, sống lâu giàu bền, còn việc nước việc đời không quan hệ gì đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có ngày vùng vẫy trong trường cạnh tranh này thế nào được nữa.

(...) Vậy học trò ngày nay phải biết xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở. Phải biết rằng: hay ăn miếng ngon, hay mặc của tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhảy lên cái xe, hễ ngồi quá giờ thì đã kêu chóng mặt, ... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mao hiểm của mình đi.

(Trích *Mao hiểm* – Nguyễn Bá Học, *Quốc văn trích diễm*, NXB Trẻ, TP HCM, 2005)

Câu 1: Ghi lại câu văn khái quát chủ đề đoạn trích.

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn “*Vậy học trò ngày nay phải biết xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở*”?

Câu 4. Theo anh/chị, đoạn trích trên gửi đến người đọc thông điệp gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ vấn đề gợi ra trong văn bản đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: “*Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*”

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ 5,6,7 trong “Sóng” của Xuân Quỳnh.

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	<i>Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.</i>	0,5
2	Nghị luận	0,5
3	Ẩn dụ	0,5
4	- HS viết đúng cấu trúc đoạn văn 7-10 dòng, diễn đạt trôi chảy suy nghĩ cá nhân, nêu rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa nhất. Học sinh có thể rút ra những thông điệp phù hợp, chẳng hạn: <i>ý nghĩa của tình thân mạo hiểm, ý chí, bền bỉ của con người trong cuộc sống,...</i>	1,5

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”	2,0
	- Nêu vấn đề cần nghị luận.	0,25
	Giải thích - <i>Đường đi</i> : Đường đời, con đường dẫn đến đích thành công. - <i>Ngăn sông, cách núi</i> : : hình ảnh ẩn dụ chỉ những khó khăn, gian khổ trên đường đời,... - Ý nghĩa câu nói: Ý chí, nghị lực là yếu tố quan trọng giúp con người vượt qua những gian khổ, khó khăn trong cuộc sống, gặt hái sự thành công.	0,25
	Bàn luận: - Vì sao “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”?	1,25

	- Núi cao, sông sâu đến mấy, nếu có ý chí, lòng kiên trì con người sẽ vượt qua. - Con đường đời luôn ẩn chứa nhiều chông gai thử thách. Nếu con người có ý chí, quyết tâm, nghị lực chắc chắn sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách và đi đến thành công. - Ý chí, nghị lực vượt qua gian khổ là yếu tố quyết định đến sự thành bại của con người trong cuộc sống. Nếu ngại khó, ngại khổ, e sông, sợ núi, con người sẽ không làm được việc gì, kể cả việc giản đơn nhất. -Vượt qua khó khăn thử thách của đường đời đã khó. Vượt qua sự ngại khó, ngại khổ của bản thân mình còn khó hơn nhiều. Vì thế, cần có quyết tâm vượt lên trên nỗi sợ hãi, lo lắng của bản thân. - Câu nói trên đề cao tinh thần vượt khó chứ không khuyên con người đạt được mục tiêu bằng mọi giá.	
	- Phê phán những người vừa gặp khó khăn đã nản chí, vừa gặp thất bại đã buông xuôi, chưa làm việc mà đã lo sợ khó khăn, nguy hiểm... Bài học nhận thức và hành động: - Rèn luyện ý chí, nghị lực để đối diện với những khó khăn thử thách...	
	- Khẳng định lại vấn đề.	0,25
2	Cảm nhận về đoạn thơ trích trong bài thơ <i>Sóng</i> – Xuân Quỳnh	5.0
	- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0,5
	Nội dung: - Mượn hình ảnh sóng đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ mãnh liệt, da diết, thường trực trong tâm hồn nhân vật trữ tình <i>em</i> khi cách xa <i>anh</i>. Sóng nhớ bờ, em nhớ anh là tất yếu, nỗi nhớ da diết, thường trực, khôn nguôi, nỗi nhớ đi vào vô thức. - Hướng về người yêu với tấm lòng thủy chung, son sắt. - Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ: chân thành, thủy chung trong tình yêu, khát vọng tình yêu và hạnh phúc mãnh liệt,... - Tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam trong tình yêu táo bạo, mạnh mẽ nhưng vẫn giữ được nét truyền thống.	3.5

- Đoạn thơ thể hiện được chiều sâu của cảm xúc và tài năng thơ Xuân Quỳnh trong toàn bộ bài thơ.	
- Nghệ thuật + Thể thơ 5 chữ, nhịp thơ liên hồi gợi lên nhịp điệu của sóng, của tâm hồn con người; + Điệp từ, điệp cú pháp,... + Hình tượng sóng: vừa mang ý nghĩa tả thực vừa là hình ảnh ẩn dụ,...	0,5
- Đánh giá.	0,5

ĐỀ 5. ÔN TẬP VĂN 12

I. Phần I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Sự chia sẻ cũng làm giảm bớt đi những nỗi sợ hãi, nhằm chấn trong cuộc sống của chúng ta do nó thúc đẩy những mối giao tiếp xã hội và làm tăng cảm giác sống có mục đích, cảm giác an toàn cho mỗi người.

Một kết quả nghiên cứu mới đây cho thấy, những người xem nhiều tin tức trên truyền hình thường lo sợ thái quá về mối hiểm nguy đối với cuộc sống bình yên, hạnh phúc của họ. Nguyên do là vì phần lớn các chương trình truyền hình đều tập trung đưa thêm những bản tin, những hình ảnh rùng rợn, bất an, làm nảy sinh tâm lý hoang mang, sợ hãi trong lòng khán giả. Và đáng ngại hơn, cuộc sống hiện đại đang xuất hiện ngày một nhiều “những cái kén người” tìm cách sống thu mình. Nói cách khác, những người này chỉ muốn tự nhốt mình trong tháp ngà của những mối quan hệ với người thân mà tự đánh mất dần mối quan hệ với hàng xóm. Chính lối sống ích kỷ này càng làm cho họ dễ bị kẻ xấu tấn công và dễ gặp những chuyện nguy hiểm hơn.

Cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là hãy đối mặt với chúng, từ đó bắt đầu một quá trình tạo nên sự khác biệt. Cội nguồn của mọi hiểm nguy đều xuất phát từ hệ quả của những mặt trái

xã hội, nhưng thường thì chúng ta không dám nhìn thẳng vào vấn đề này. Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó.

Chúng ta cần có thái độ thích hợp để làm giảm thiểu những nguyên nhân gây ra mọi bất ổn trong cuộc sống của mình.

(Cho đi là còn mãi –Azim Jamal & Harvey McKinno)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về hình ảnh “những cái kén người” trong câu “cuộc sống hiện đại đang xuất hiện ngày một nhiều “những cái kén người” tìm cách sống thu mình”? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/ chị có đồng ý với quan điểm “*Cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là hãy đối mặt với chúng, từ đó bắt đầu một quá trình tạo nên sự khác biệt.*”? Vì sao? (1,0 điểm)

II. Phần II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhận định “*Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó*” được gọi ra ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5.0 điểm)

Trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân đã khắc họa đậm nét hình ảnh Sông Đà, trong đó có đoạn:

- “Tiếng nước thác nghe như oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tội cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhóm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.” Và:
- “Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà đen như thực dân Pháp

đã dè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.”

(Nguyễn Tuân - *Người lái đò Sông Đà*, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, trang 187-188 và 191)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đoạn văn trên. Từ đó, hãy làm rõ cái tôi tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

1.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	Cách tốt nhất để vượt qua nỗi sợ hãi là <i>hãy đối mặt với chúng, từ đó bắt đầu một quá trình tạo nên sự khác biệt.</i>	0.5
	3	Hình ảnh “ Những cái kén người” được dùng để chỉ những người tự tạo cho mình một lớp vỏ an toàn, sống khép mình, sợ hãi với tất cả mối quan hệ xung quanh mình.	1.0
	4	Học sinh có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình Học sinh có thể lí giải nhiều cách khác nhau miễn là hợp lí, thuyết phục.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Dựa vào nội dung ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến: “ <i>Bản chất của sự việc diễn ra không quan trọng bằng cách mà chúng ta đón nhận những sự việc đó</i> ”.	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn theo định hướng sau: * Giải thích: Câu nói trên nhấn mạnh thái độ/ cách ứng xử của con người khi đối diện với những khó khăn, thử thách của cuộc sống. * Phân tích:	1.0

		- Cuộc sống quanh ta luôn có những biến động, những biến cố - do chủ quan hay khách quan - có thể bất ngờ ập đến, khi chúng ta giữ thái độ chủ động, lạc quan đối diện, chúng ta sẽ dễ dàng đối mặt và vượt qua được. - Không có yếu tố khách quan nào có thể mang lại cho chúng ta một cuộc sống hạnh phúc hay tốt đẹp, mà chỉ có cách nhìn mới quyết định sự cảm nhận hạnh phúc hay thành công trong cuộc sống. * Bình luận: - Phê phán những người thụ động, luôn bi quan chán nản trước những khó khăn thử thách. Họ luôn thấy điều tiêu cực, chán nản và mất niềm tin vào cuộc sống mà quên đi giá trị của bản thân sau những lần vấp ngã đó. - Bài học nhận thức và hành động: Luôn chủ động đối mặt, đón nhận những thách thức của cuộc sống, cần có thái độ lạc quan, cái nhìn tích cực...	
		<i>d. Chính tả, dùng từ đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		<i>e. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt mới mẻ, có suy nghĩ riêng, hợp lí về vấn đề nghị luận	0.25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của Sông Đà (Nguyễn Tuân) qua hai đoạn văn được nêu. Từ đó, hãy làm rõ cái tôi tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân.	5.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i> Mở bài giới thiệu được vấn đề nghị luận. Thân bài triển khai được vấn đề. Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản, cần đảm bảo những vấn đề sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Tuân, tác phẩm <i>Người lái đò Sông Đà</i> và vấn đề nghị luận	0,5

		Cảm nhận về vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đoạn văn: * Đoạn 1. - Nội dung: Sông Đà ở thượng nguồn với vẻ hùng vĩ, hung bạo, dữ dội, nguy hiểm. + Tiếng thác nước: ghê rợn, uy hiếp tinh thần con người. + Đá mai phục lòng sông, hiểm chiến và nguy hiểm. - Nghệ thuật: Nhân hóa, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng bất ngờ, độc đáo. * Đoạn 2. Nội dung: Sông Đà với vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình, đầy gợi cảm. + Sông Đà như người thiếu nữ với áng tóc trữ tình, quyến rũ và đầy sức sống. + Sắc nước sông Đà biến đổi theo mùa như tính khí thất thường của chính con sông. Nghệ thuật: Thủ pháp so sánh, liên tưởng bất ngờ, độc đáo; câu văn dài với âm điệu nhịp nhàng, nhiều tầng bậc, giàu hình ảnh, đầy chất thơ.	2,0
		* Nhận xét về cái tôi tài hoa của Nguyễn Tuân: Thể hiện ở việc nhân hóa con sông; ở cách so sánh, liên tưởng nhiều tầng bậc, bất ngờ, độc đáo; câu văn biến đổi linh hoạt, uyển chuyển, đầy chất thơ, chất họa...	0,5
		* Đánh giá chung: + Hai đoạn văn cùng nêu bật vẻ đẹp đa dạng mà thống nhất của Sông Đà – biểu tượng cho <i>chất vàng</i> của thiên nhiên Tây Bắc. + Thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước và phong cách tài hoa, uyên bác, độc đáo của Nguyễn Tuân - nhà tùy bút hàng đầu của nền văn học Việt Nam hiện đại.	0,5
		d. <i>Sáng tạo</i>: bài viết có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ, mới mẻ, sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, giàu cảm xúc...	0.5
		e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25
TỔNG ĐIỂM: I + II = 10			

ĐỀ 6. ÔN TẬP VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

“Xin các vị đừng quá nuông chiều đến mức thỏa mãn mọi đòi hỏi của con cái. Hãy nhớ rằng con cái chúng ta luôn luôn “được voi, đòi tiên”, bởi vậy chúng ta cần cân nhắc trước yêu sách của con cái... Trẻ em càng được nhận nhiều thì sự biết ơn càng giảm sút, mà đó là điều tối kỵ. Trước hết, chúng phải biết ơn cha mẹ mình, biết rằng trong điều kiện kinh tế khó khăn cha mẹ đã vất vả như thế nào để nuôi con ăn học. Sự biết ơn đó chính là một động lực để thúc đẩy các con ra sức học hành. Đối với con cái, nếu “yêu cho roi cho vọt” là quan điểm sai lầm thì “yêu cho ngọt cho bùi” cũng sai lầm không kém.

Hãy dạy con cái chúng ta có tâm lòng nhân ái, biết làm việc từ thiện dù rất nhỏ và có thái độ thân thiện đối với mọi người. Lòng thương người, tính đôn hậu là tính tốt cơ bản nhất mà mỗi con người nên có. Hãy để cho trẻ con chúng ta biết đến, nghĩ đến biết bao nhiêu hoàn cảnh khó khăn, biết bao số phận cay đắng, biết bao hoàn cảnh ngặt nghèo của rất nhiều người trong xã hội.”

(Văn Như Cương, *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh trường THPT Lương Thế Vinh*, dẫn theo <http://tuoitre.vn>)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Theo tác giả, các bậc cha mẹ cần dạy cho con cái mình những đức tính cơ bản nào? **Câu**

3. Theo anh/chị, cách nói chuyện của tác giả với phụ huynh bằng những cụm từ như:

“Hãy dạy con cái chúng ta”, “hãy để cho trẻ con chúng ta” đem lại hiệu quả biểu đạt như thế nào?

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: “Trẻ em càng được nhận nhiều thì sự biết ơn càng giảm sút”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Từ gợi ý ở phần văn bản đọc hiểu trên, bằng đoạn văn khoảng 200 chữ, Anh/Chị trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của giáo dục gia đình đối với mỗi người?

Câu 2. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sông Hương khi nó chảy vào thành phố Huế trong đoạn trích “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung
I.1	PTBD: nghị luận
I.2	Câu cầu khiến kết hợp phép điệp cấu trúc, cách dùng từ “chúng ta”: Tiếng nói tâm huyết của người trong cuộc, nhấn mạnh được vai trò quan trọng của giáo dục gia đình, thuyết phục bằng cách lay động tình cảm và nhận thức các bậc làm cha làm mẹ.
I.3	Theo tác giả, cha mẹ cần dạy cho con cái mình hai đức tính quan trọng: lòng biết ơn và lòng nhân ái.
I.4	- Quan điểm của tác giả: “<i>Trẻ em càng được nhận nhiều thì sự biết ơn càng giảm sút</i>” có phần chính xác. - Bời lẽ: + Khi đứa trẻ muốn điều gì đều được đáp ứng ngay chúng sẽ coi đây là điều tất yếu, xứng đáng được hưởng, không cần cố gắng và không cần biết ơn. + Khi nhận được nhiều, đứa trẻ sẽ nghĩ rằng cha mẹ làm ra những điều đó thật dễ dàng. Chúng sẽ không coi trọng công sức lao động của cha mẹ. - Tuy vậy, cũng có trường hợp những đứa trẻ nhận được bất kì thứ gì từ cha mẹ dù nhiều dù ít, vẫn luôn thấu hiểu tình yêu thương và sự cố gắng mà cha mẹ dành cho chúng. ⇒ Vậy nên, trẻ có lòng biết ơn hay không, chủ yếu phụ thuộc vào cách giáo dục của cha mẹ khi đáp ứng những yêu cầu của con cái.
II.1	Về hình thức: Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, diễn đạt mạch lạc. Về nội dung: HS chủ động nêu quan điểm cá nhân. Sau đây là một gợi ý:
	Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Tầm quan trọng của giáo dục gia đình đối với sự phát triển nhân cách của mỗi người con.

	Thân đoạn: *Bình luận vai trò quan trọng của giáo dục gia đình: +Gia đình là môi trường quan trọng hình thành nhân cách của một đứa trẻ vì đó là nơi chúng gắn bó hơn cả. +Nhìn vào sự hình thành và phát triển nhân cách của một đứa trẻ người ta biết ngay gia đình của đứa trẻ ấy như thế nào. +Một đứa trẻ không thể hoàn thiện bản thân nếu chúng không được học những điều tốt từ cha mẹ, ông bà, cho dù chúng được giáo dục trong một ngôi trường chất lượng *Phê phán kiểu giáo dục nuông chiều vô lối hoặc quá khắt khe, áp đặt. *Cần giáo dục như thế nào? +Dạy con những đức tính cơ bản: lòng biết ơn, nhân ái,... +Dạy con tính tự lập, không dựa dẫm, ỷ lại. +Dạy con yêu lao động, sống có mục đích, ước mơ. *Bài học nhận thức và hành động: Gia đình có vai trò quan trọng nhất trong giáo dục nhân cách con người. Do vậy, các thành viên trong gia đình nên là tấm gương sáng cho trẻ noi theo. Phối kết hợp nhiều môi trường giáo dục là biện pháp tối ưu. Kết đoạn: khẳng định lại vấn đề
II. 2	Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sông Hương khi nó chảy vào thành phố Huế trong đoạn trích “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Mở bài: · Giới thiệu tác giả, tác phẩm · Giới thiệu yêu cầu của đề: Vẽ đẹp sông Hương khi chảy vào thành phố Huế Thân bài:

1/ Nội dung: - Nhân hóa cuộc hội ngộ của sông Hương và Huế là cuộc hội ngộ của tình yêu: “vui tươi hẳn lên” khi hoàn thành “cuộc tìm kiếm có ý thức”. - So sánh, liên tưởng thú vị, gợi cảm: tô điểm cho cầu Tràng Tiền làm nên vẻ đẹp cảnh quan thành phố: “in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non”; dáng vẻ dòng sông: “sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ”, “làm cho dòng sông mềm hẳn đi như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”. - Nét đặc biệt của sông Hương: “trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh”, so sánh với các con sông khác trên thế giới: “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế” - Nhân hóa độc đáo, trí tuệ: sông Hương “như người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya” nhấn mạnh vai trò về một dòng sông sinh thành nên nền âm nhạc cổ điển Huế. → Sông Hương và Huế hòa vào làm một. Sông Hương làm nên vẻ đẹp mộng mơ của Huế và Huế làm nên vẻ đẹp trầm tư sâu lắng của sông Hương. 2/ Nghệ thuật: - Văn phong tinh tế, tao nhã, hướng nội, tài hoa, - Lối nhân hóa, so sánh, liên tưởng độc đáo, bất ngờ, thú vị. - Ngôn ngữ giàu chất thơ, Vốn tri thức uyên bác. Kết bài: khẳng định lại vẻ đẹp sông Hương ở thành phố Huế và tài năng viết kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường
--

